



PHIẾU BÀI TẬP TIẾNG ANH LỚP 1

Unit 13 Lesson 3 · Unit 14 Lesson 1 (SGK tr. 59–60)



Tuần 28

Họ và tên:

Lớp:

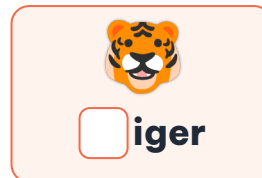
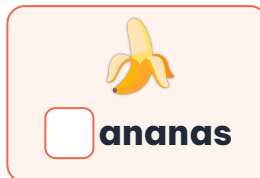
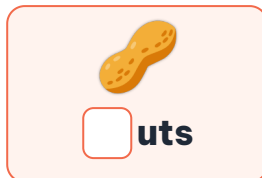
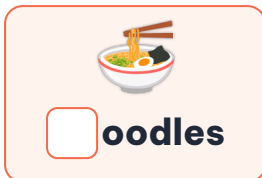


Bài 1: Write the letters – viết chữ cái hoa, chữ thường theo mẫu

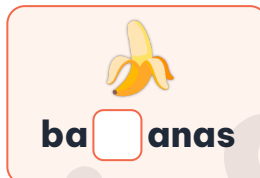
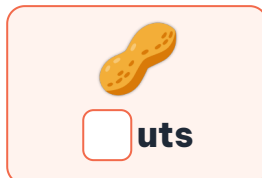
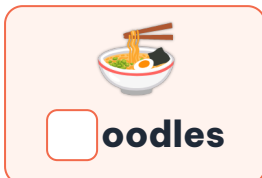
Mẫu: Nn Tt

Mỗi dòng một chữ cái: chữ hoa trước, chữ thường sau (Nn, Tt). Chưa cần viết từ.

Bài 2: Look and write – nhìn hình, viết chữ cái đầu



Bài 3: Look and write – viết 1 chữ cái còn thiếu



Bài 4: Match – bố mẹ đọc từ, bé nối hình với từ



•

•

nuts



•

•

turtle



•

•

tiger



•

•

noodles



•

•

bananas

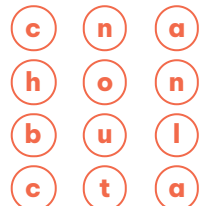
Bài 5: Listen and circle – bố mẹ đọc to từ, bé khoanh chữ cái

1. Bố mẹ đọc «noodles» – chữ cái đầu là:

2. Bố mẹ đọc «nuts» – chữ cái đầu là:

3. Bố mẹ đọc «bananas» – chữ cái đầu là:

4. Bố mẹ đọc «tiger» – chữ cái đầu là:



Bài 6: Listen and choose – bố mẹ đọc câu và hai ý, bé chọn

1. Bố mẹ đọc: «She's having noodles.» Câu này nghĩa là:

(A) Bạn ấy đang ăn mì. (B) Bạn ấy đang ăn lạc.

2. Bố mẹ đọc: «He's having nuts.» Câu này nghĩa là:

(A) Bạn ấy đang ăn mì. (B) Bạn ấy đang ăn lạc.



ĐÁP ÁN – TIẾNG ANH LỚP 1

Dành cho bố mẹ, thầy cô chấm bài



Tuần 28

Bài 1: Write the letters – viết chữ cái hoa, chữ thường theo mẫu

Nn, Tt

Bài 2: Look and write – nhìn hình, viết chữ cái đầu

 - noodles  - nuts  - bananas  - tiger  - turtle

Bài 3: Look and write – viết 1 chữ cái còn thiếu

 - noodles  - nuts  - bananas  - tiger  - turtle

Bài 4: Match – bố mẹ đọc từ, bé nối hình với từ

 - noodles  - nuts  - bananas  - tiger  - turtle

Bài 5: Listen and circle – bố mẹ đọc to từ, bé khoanh chữ cái

1. **B** (n) 2. **C** (n) 3. **A** (b) 4. **B** (t)

Bài 6: Listen and choose – bố mẹ đọc câu và hai ý, bé chọn

1. **A** (Bạn ấy đang ăn mì.) 2. **B** (Bạn ấy đang ăn lạc.)

onthi.app/phieu-bai-tap – in miễn phí cả 35 tuần, có đáp án

🌟 Ôn Thi · học như chơi, lớp 1–5